


PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Sodium Hexametaphosphate	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 10124-56-8 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: sodium hexametaphosphate	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: muối hexasodium	
Tên khác (không là tên khoa học): glassy, calgon, sodium phosphate glass	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN 30/17 Đường HT31, KP01, p.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM Điện thoại: (028).6683.3399 – 6683.4499
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
Mục đích sử dụng: Dùng trong công nghiệp	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
	10124-56-8	(NaPO ₃) ₆	68%

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...):

HMIS (Hoa Kỳ):

Nguy hiểm sức khoẻ: 2

Hỏa hoạn: 0

Phản ứng: 0

Bảo vệ cá nhân: E

Hiệp hội Phòng cháy chữa cháy Quốc gia (Hoa Kỳ):

Sức khoẻ: 2

Khả năng cháy: 0

Phản ứng: 0

2. Cảnh báo nguy hiểm

Nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc bằng mắt (gây kích ứng), nuốt phải. Nguy hiểm nhẹ trong trường hợp tiếp xúc với da (gây kích ứng, chất nhạy cảm), hít phải.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):

Thận trọng rửa mắt ngay bằng nước sạch. Tháo bỏ kính áp tròng nếu đang đeo và nếu thấy dễ dàng. Sau đó tiếp tục rửa mắt bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút trong khi giữ cho mí mắt hở. Chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các chăm sóc tiếp theo.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):

Cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị dính sản phẩm. Rửa bộ phận bị dính bản với nước sạch (và xà phòng nếu có thể).

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí):

Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí. Nếu không hồi phục nhanh chóng, chuyển nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để có các điều trị tiếp theo. Giữ ngực nạn nhân ở tư thế thuận lợi cho hô hấp.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất):

Ngay lập tức gọi trung tâm cấp cứu hoặc gọi bác sĩ. Không kích ứng gây nôn. Nếu nạn nhân nôn ói, giữ cho đầu thấp hơn hông để tránh hít vào.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): không cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: không phù hợp

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): Không có sẵn.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Không áp dụng.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:

Mang đầy đủ quần áo bảo vệ và dụng cụ thở có ôxy. Khi chữa cháy trong không gian kín phải dùng các thiết bị bảo hộ thích hợp, bao gồm cả mặt nạ phòng độc.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có) :

Khi nung nóng để phân hủy nó phát ra hơi độc cao oxyxit ôxit và Na_2O . Hành vi trong lửa: Nó có thể tan chảy hơi nước.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:

Sử dụng các dụng cụ thích hợp để đổ chất lỏng tràn vào thùng chứa chất thải thuận tiện. Làm sạch bằng nước. Bề mặt bị ô nhiễm và vứt bỏ theo yêu cầu của chính quyền địa phương và khu vực.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:

Sử dụng xẻng để đưa vật liệu vào thùng chứa chất thải thuận tiện. Làm sạch hoàn toàn bằng cách rải nước vào. Bề mặt bị ô nhiễm và cho phép sơ tán qua hệ thống vệ sinh. Hãy cẩn thận rằng sản phẩm không có mặt tại nồng độ trên TLV. Kiểm tra TLV trên MSDS và với chính quyền địa phương.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

Giữ chặt chẽ. Đùng nuốt. Không hít bụi. Mang quần áo bảo hộ phù hợp. Trong trường hợp không thông gió, mặc thiết bị hô hấp phù hợp. Nếu nuốt phải, tìm tư vấn y tế ngay và cho thấy hộp chứa hoặc nhãn. Tránh xa những thứ không tương thích như axit.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...):

Giữ bình chứa kín. Giữ bình chứa trong khu vực thoáng mát, thông gió tốt.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...):

Mức độ bảo vệ và cách thức kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo điều kiện phơi nhiễm tiềm ẩn. Lựa chọn cách thức kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro của hoàn cảnh tại chỗ. Các biện pháp thích hợp bao gồm: Sử dụng thùng quy trình, thông gió thải cục bộ hoặc các công cụ kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức không khí dưới mức khuyến cáo giới hạn phơi nhiễm. Nếu hoạt động của người sử dụng tạo ra bụi, khói hoặc sương, sử dụng thông gió để tiếp xúc với chất gây ô nhiễm không khí dưới giới hạn phơi nhiễm.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ
- Bảo vệ thân thể: quần áo dài tay
- Bảo vệ tay: găng tay an toàn hóa chất
- Bảo vệ chân: giày bảo hộ, ủng cao su

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

Sử dụng các trang thiết bị giống như khi tiếp xúc, làm việc. Xử lý sự cố trong không gian kín cần trang bị thêm mặt nạ phòng độc và dưỡng khí.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...):

Tắm rửa, vệ sinh thân thể sạch sẽ ngay sau khi sử dụng hay tiếp xúc với hoá chất. Phải có chỗ rửa mắt, thuốc hay thiết bị tẩy rửa, gần khu vực làm việc, dán kí hiệu cảnh báo nguy hiểm.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: dạng rắn (tinh thể)	Điểm sôi (°C): 1500°C (2735°F)
Màu sắc: màu trắng	Điểm nóng chảy (°C): 550°C (1022°F)
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có sẵn
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Nhiệt độ tự cháy (°C): không có sẵn
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : không có sẵn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ hòa tan trong nước: hoà tan trong nước lạnh, trong nước nóng tan chậm	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ PH : 7	Tỷ lệ hóa hơi:
Khối lượng riêng (kg/m ³):	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định trong các điều kiện sử dụng bình thường

2. Khả năng phản ứng: :

Phản ứng với các chất oxi hóa, hơi ăn mòn khi có thép.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
SHMP	LD ₅₀		Miệng	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...): Không có sẵn.

2. Các ảnh hưởng độc khác: Không có sẵn

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật: Không có sẵn.

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Có thể các sản phẩm suy thoái ngắn hạn nguy hiểm có thể xảy ra. Tuy nhiên, các sản phẩm xuống cấp lâu dài có thể phát sinh.

- Chỉ số BOD và COD: không có sẵn

- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: không có sẵn

- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Sản phẩm chính và các sản phẩm phân hủy không gây độc.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp):

Căn cứ theo quy định hiện hành Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 và các văn bản hướng dẫn.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: chưa có thông tin

3. Biện pháp tiêu hủy

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						

Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						
--	--	--	--	--	--	--

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

- Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002

- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Thông tư 28/2010/TT-BTC ngày 28/06/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa Chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP.

- Thông tư 04/2012/TT-BCT ngày 13/02/2012 của Bộ Công Thương quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 17/06/2017

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 11/12/2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.